

Số: /SKHCN-KHTC  
V/v đề nghị cung cấp thông tin để  
xây dựng phương án quy hoạch  
mạng lưới tổ chức KH&CN  
công lập trên địa bàn tỉnh

Quảng Ngãi, ngày 06 tháng 8 năm 2021

Kính gửi: .....

.....

Sở Khoa học và Công nghệ nhận được chỉ đạo của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện các văn bản thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ tại công văn số 3449/UBND-KGVX ngày 20/7/2021 và hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc phối hợp xây dựng phương án quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tại Công văn số 1824/BKHCN-TCCB ngày 12/7/2021 (Văn bản đính kèm).

Để có cơ sở cho việc xây dựng Phương án Quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Sở Khoa học và Công nghệ đề nghị đơn vị cung cấp thông tin về tổ chức của mình như Đề cương đính kèm.

Đề nghị đơn vị quan tâm thực hiện và gửi báo cáo về Sở Khoa học và Công nghệ trước ngày 20/8/2021./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở;
- Phòng QLCN;
- Lưu: VT, KHTC.

**GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Văn Thành**

# **ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO**

*(Kèm theo Công văn số /SKHCN-KHTC ngày /8/2021  
của Sở Khoa học và Công nghệ)*

## **1. Đánh giá hiện trạng**

1.1. Đánh giá tình hình hoạt động khoa học và công nghệ giai đoạn 2016-2020 của tổ chức KH&CN

1.2. Cung cấp số liệu:

- Tổng quan hiện trạng của đơn vị (Biểu 1)
- Hiện trạng về nhân lực của đơn vị (thống kê năm 2020) (Biểu 2)
- Hiện trạng về cơ sở vật chất-kỹ thuật của đơn vị (thống kê năm 2020) (Biểu 3)
- Hiện trạng về tài chính (thống kê năm 2020) (Biểu 4)
- Hiện trạng về tình hình hoạt động (thống kê giai đoạn 2016-2020) (Biểu 5)

## **2. Phương án phát triển**

2.1. Về điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, vị trí pháp lý của đơn vị; về nâng cao mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm (Biểu 6)

2.2. Phương án đầu tư cơ sở vật chất, nguồn nhân lực để đáp ứng nhu cầu phát triển

2.3. Phương án phân bổ không gian (Biểu 7)

2.4. Phương án bố trí sử dụng đất cho phát triển (Biểu 8)

## **3. Đề xuất danh mục dự án và thứ tự ưu tiên thực hiện**

Danh mục dự án theo thứ tự ưu tiên. Mỗi dự án mô tả theo các nội dung sau:

- Tên dự án
  - Sự cần thiết đầu tư
  - Mục tiêu, quy mô, địa điểm, phạm vi và nội dung đầu tư
  - Dự kiến kế hoạch triển khai, kế hoạch vốn từ các nguồn
- (Biểu 9)

**Biểu 1: Hiện trạng của tổ chức KH&CN (thời điểm năm 2020)**

<b>TT</b>	<b>Tên tổ chức KH&amp;CN</b>	<b>Số giấy chứng nhận đăng ký hoạt động KH&amp;CN</b>	<b>Lĩnh vực hoạt động KH&amp;CN chủ yếu<sup>1</sup></b>	<b>Phân loại theo chức năng nhiệm vụ<sup>2</sup></b>	<b>Phân loại theo mức độ tự chủ tài chính<sup>3</sup></b>

<sup>1</sup> Theo các lĩnh vực: khoa học tự nhiên; khoa học kỹ thuật và công nghệ; khoa học y dược; khoa học nông nghiệp; khoa học xã hội; khoa học nhân văn

<sup>2</sup> Theo phân loại tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 02/2021/TT-BKH&CN, gồm các tổ chức KH&CN: phục vụ quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ sự nghiệp công cơ bản thiết yếu; phục vụ công ích của nhà nước

<sup>3</sup> Theo phân loại tại khoản 2 Điều 5 Thông tư số 02/2021/TT-BKH&CN, gồm các tổ chức KH&CN: tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư; tự đảm bảo chi thường xuyên; tự đảm bảo một phần chi thường xuyên; do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên.



**Biểu 3: Hiện trạng cơ sở vật chất của tổ chức KH&CN (thống kê năm 2020)**

<b>TT</b>	<b>Tên tổ chức KH&amp;CN</b>	<b>Diện tích trụ sở làm việc, phòng thí nghiệm (<math>m^2</math>)</b>	<b>Diện tích khu thử nghiệm, trạm, trại, khu sản xuất,... (<math>m^2</math>)</b>	<b>Tổng giá trị tài sản cố định (triệu đồng)</b>	<b>Ghi chú</b>

**Biểu 4: Hiện trạng tài chính của tổ chức KH&CN (thống kê năm 2020)**

*ĐVT: Triệu đồng*

<b>TT</b>	<b>Tên tổ chức KH&amp;CN</b>	<b>Tổng kinh phí chi thường xuyên</b>	<b>Tổng kinh phí do thực hiện chương trình, đề tài, dự án cấp quốc gia, cấp tỉnh và cấp cơ sở</b>	<b>Tổng kinh phí cho đầu tư phát triển</b>	<b>Tổng kinh phí thu sự nghiệp<sup>4</sup></b>	<b>Tổng doanh thu</b>	<b>Số tiền nộp thuế</b>	<b>Thu nhập bình quân tháng/đầu người</b>	<b>Ghi chú</b>

<sup>4</sup> Tổng kinh phí thu sự nghiệp thông qua các hợp đồng chuyển giao công nghệ, áp dụng kết quả nghiên cứu, bán sản phẩm, đào tạo, dịch vụ KH&CN khác và sản xuất-kinh doanh các sản phẩm là kết quả nghiên cứu



**Biểu 6: Phương án phát triển của tổ chức KH&CN giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050**

TT	Tên tổ chức KH&CN	Giai đoạn 2021-2030							Giai đoạn 2031-2050					Ghi chú	
		Mức độ tự chủ <sup>5</sup>	Giữ ổn định về tổ chức	Thực hiện kiện toàn tổ chức theo các phương án					Mức độ tự chủ	Giữ ổn định về tổ chức	Thực hiện kiện toàn tổ chức theo các phương án				
				Giảm <sup>6</sup>	Thành lập mới	Thay đổi về chức năng, nhiệm vụ	Thay đổi vị trí pháp lý <sup>7</sup>	Chuyển đổi mô hình hoạt động thành công ty cổ phần			Giảm	Thành lập mới	Thay đổi về chức năng, nhiệm vụ		Thay đổi vị trí pháp lý

<sup>5</sup> Theo 4 mức độ tự chủ tại khoản 2 Điều 5 Thông tư số 02/2021/TT-BKHCN. Ghi theo 4 mức độ như sau: (a) tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư; (b) tự đảm bảo chi thường xuyên; (c) tự đảm bảo một phần chi thường xuyên; (d) do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên

<sup>6</sup> Giảm do giải thể hoặc bị sáp nhập, hợp nhất

<sup>7</sup> Còn được gọi là thay đổi cơ quan chủ quản trực tiếp. Ghi rõ tên cơ quan chủ quản trực tiếp mới (nếu có thay đổi này)





**Biểu 8: Phương án bố trí sử dụng đất của tổ chức KH&CN giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050**

*ĐVT: m<sup>2</sup>*

TT	Tên tổ chức KH&CN	Giai đoạn 2021-2030		Giai đoạn 2031-2050		Ghi chú
		Giữ ổn định về diện tích đất sử dụng	Thay đổi về diện tích đất sử dụng	Giữ ổn định về diện tích đất sử dụng	Thay đổi về diện tích đất sử dụng	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)

*Ghi chú: cột (3) và (6) diện tích giảm để dấu (-)*

**Biểu 9: Danh mục dự án theo thứ tự ưu tiên của tổ chức KH&CN giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050**

<b>Thứ tự ưu tiên</b>	<b>Tên dự án</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Địa điểm</b>	<b>Tổng mức đầu tư (Tỷ đồng)</b>	<b>Ghi chú</b>
<i>Giai đoạn 2021-2030</i>					
<i>Giai đoạn 2031-2050</i>					